

Số: /BVĐKHG-VTTBYT
Về việc công khai nhu cầu sắm thiết bị
y tế lần 2 năm 2026 tại Bệnh viện Đa
khoa Hà Giang

Hà Giang 2, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 04/2025/NĐ-CP;

Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 11, đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Hoàng Quốc Bảo – Phòng VT-TBYT.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Văn thư, tầng 2 nhà A của Bệnh viện tại địa chỉ: Số 11, đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

+ Gửi chuyển phát nhanh đến địa chỉ nhận: Ông Hoàng Quốc Bảo, Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Số 11,

đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang – Điện thoại: 0976.334.981.

+ Đồng thời gửi 01 bản scan và bản mềm flie exel hoặc file word báo giá vào zalo theo số điện thoại nêu trên của Ông Hoàng Quốc Bảo.

- Gửi qua địa chỉ mail: hoangquocbao78@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến trước 14 giờ, ngày 27 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục nhu cầu mua sắm thiết bị y tế: ***Chi tiết tại Phụ lục 1.***

2. Mẫu báo giá mua sắm thiết bị y tế: ***Chi tiết tại Phụ lục 2.***

Bệnh viện rất mong nhận được báo giá của các nhà cung cấp đúng thời gian nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website bệnh viện, muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu: VT, Phòng VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Dũng

Phụ lục 1

DANH MỤC NHU CẦU MUA SẴM THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 558 /BVĐKHG-VT-TBYT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy theo dõi bệnh nhân	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy mới 100%.- Sản xuất năm 2025 trở về sau- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016- Nguồn điện xoay chiều AC: 100-240V AC, 50/60HZ- Nhiệt độ môi trường xung quanh: -20°C - 55°C- Độ ẩm: 25 - 93% không ngưng tụ- Thời gian bảo hành: \geq 12 tháng <p>II. CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính: 01 chiếc- Máy ghi nhiệt: 01 chiếc- Đầu dò nhiệt độ qua da: 01 chiếc- Cảm biến SpO2 dành cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc- Cảm biến SpO2 dành cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 chiếc- Cảm biến SpO2 dành cho trẻ sơ sinh sử dụng nhiều lần: 01 chiếc- Bao đo huyết áp người lớn: 01 chiếc- Bao đo huyết áp trẻ em: 01 chiếc- Bao đo huyết áp trẻ sơ sinh: 01 chiếc- Dây đo huyết áp với công kết nối: 01 chiếc- Dây cáp ECG: 01 chiếc- Bộ đo IBP: 01 bộ- Bộ đo EtCO2: 01 bộ- Dây nguồn: 01 chiếc- Điện cực dùng cho người lớn dùng một lần, (10 chiếc/gói): 03 gói- Pin Li-ion sạc: 01 chiếc- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p>III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (tương đương hoặc tốt hơn)</p> <ul style="list-style-type: none">- Màn hình màu TFT LCD độ phân giải cao- Màn hình cảm ứng, vận hành trực quan thông qua việc ấn vào các thông số hoặc dạng	Máy	6	

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>sóng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện máy tạo nhịp tim - Chức năng gọi điều dưỡng viên - Bảo vệ sự khủ rung tim và đồng bộ hóa - Bảo vệ nhiễu điện - Thông tin xu hướng công bố đầy đủ mở rộng - Hệ thống báo động toàn diện - ECG (3/5 đạo trình) với dạng sóng và Nhịp tim - Phân tích loạn nhịp, Phân tích đoạn ST - Tốc độ hô hấp (RR) với dạng sóng - SpO2 và nhịp xung (PR) - SpO2 ghi biên thiên thể tích dạng sóng - SpO2 điều biến tông mạch - NIBP (Huyết áp không xâm lấn): SYS (tâm thu), DIA (tâm trương), MAP (áp lực trung bình đường thở) và nhịp xung. - 2 kênh nhiệt độ - Sự khác biệt nhiệt độ giữa hai kênh (TD) - Giao tiếp HL7 thông qua XML Files - Khe thẻ SD cho phép mở rộng bộ nhớ. - Cổng USB và cổng nối tiếp, đầu ra VGA và tương tự analog, RJ-45. - Pin sạc tích hợp - Nguồn điện: AC 100 ~ 240 Volts 50/60 Hz. * Chế độ hiển thị đa dạng: - Hiển thị đa dạng sóng - Phông chữ lớn - Bảng NIBP * Tiêu chuẩn an toàn: IEC 60601-1+A1+A2; IEC 60601-2+A1 * Hiển thị - Hiển thị: Màn hình màu chạm TFT LCD 12.1” - Độ phân giải: 800x600 dpi - Hiển thị các traces (đường dấu): Lên đến ≥ 8 - Hiển thị các dạng sóng: Lên đến ≥ 11 - Chế độ làm việc đa dạng: Hiển thị giám sát tiêu chuẩn 			

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Giao diện có thể lựa chọn: Màn hình hiển thị tiêu chuẩn, Hiển thị chăm sóc chuyên sâu với phông chữ lớn, Biểu đồ xu hướng/ Chế độ đồng hiển thị, Hiển thị giường tới giường (tùy chọn), Hiển thị quan sát động OxyCRG, Giao diện tính toán liều thuốc - Tốc độ quét: 6.25mm/giây, 12.5mm/giây, 25mm/ giây, 50mm/giây * Nguồn điện - Nguồn điện xoay chiều AC: 100-240V AC, 50/60HZ - Pin bên trong Pin sạc Li-ion, 2100 mAh 14.8V DC-2500 mAh - Thời gian làm việc với pin: Tối đa 5 giờ (với pin 4200mAh)/ Trong trường hợp nhất định: 2100mAh: 150 phút - 4200mAh: 300 phút - Thời gian sạc: ≤ 230 phút (2500mAh) * Hô hấp - Kỹ thuật: Trở kháng Trans-thoracic - Chế độ hoạt động: Tự động/Bằng tay - Khoảng đo Rr: Người lớn: 0 - 120 nhịp/phút, Sơ sinh/Nhi khoa: 0 - 150 nhịp /phút - Độ phân giải: 1nhịp/ phút - Ngưỡng báo động ngừng thở: 10 giây, 15 giây, 20 giây (mặc định), 25 giây, 30 giây, 35 giây, 40 giây - Báo động: 3 mức báo động âm thanh và hình ảnh, các sự kiện báo động có thể gọi lại - Băng thông: 0.2 - 2.5Hz (-3dB) - Tốc độ quét: 6.25mm/giây, 12.5mm/giây, 25mm/giây, 50mm/giây * ECG - Loại đạo trình: Có thể lựa chọn 5 đạo trình và 3 đạo trình - Cáp dây 3 điện cực: RA; LA; LL hoặc R; L; F - Cáp dây 5 điện cực: RA; LA; RL; LL; V hoặc R; L; N; F; C - Lựa chọn đạo trình: 3-lead: I; II; III / 5-lead: I; II; III; aVR; aVL; aVF; V - Chọn độ phóng đại: x0.125; x0.25; x0.5; x1; x2; tự động - Tốc độ quét: 6.25 mm/giây, 12.5 mm/giây, 25mm/ giây, 50 mm/giây - Khoảng Ecg Hr: Người lớn: 15 - 300 nhịp/phút, Trẻ nhỏ/Trẻ sơ sinh: 15 - 350 nhịp/phút - Độ phân giải & Độ chính xác: ±1 nhịp/phút hoặc ±1%, bất cứ giá trị nào lớn hơn - Bộ lọc: <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ chẩn đoán: 0.05~150Hz + Chế độ giám sát: 0.05~40Hz + Chế độ phẫu thuật: 1~20Hz - Phát hiện đoạn St: 			

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> + Khoảng đo: -2.0mV ~ 2.0mV + Đi kèm với phân loại, phân tích loạn nhịp tim đoạn ST - Cảnh báo: 3 mức báo động bằng âm thanh và hình ảnh, các sự kiện báo động có thể được gọi lại - Phát hiện máy trợ tim: Có, và có thể phát hiện 5 loại trạng thái bất thường * NIBP - Phương pháp: Đo dao động - Các chế độ hoạt động: Bằng tay/Tự động/Liên tục - Khoảng thời gian đo tự động: Điều chỉnh được 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 240, 480 phút - Loại đo: SYS, DIA, MAP, PR - Khoảng áp lực: <ul style="list-style-type: none"> + Người lớn: Huyết áp tâm thu: 25 - 290mmHg. Huyết áp tâm trương: 10 - 250mmHg. Huyết áp trung bình: 15 - 260mmHg + Trẻ em: Huyết áp tâm thu: 25 - 240mmHg. Huyết áp tâm trương: 10 - 200mmHg. Huyết áp trung bình: 15 - 215mmHg + Trẻ sơ sinh: Huyết áp tâm thu: 25 - 140mmHg. Huyết áp tâm trương: 10 - 115mmHg. Huyết áp trung bình: 15 - 125mmHg - Độ phân giải: 1mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa ± 8 mmHg - Cảnh báo: Tâm thu, tâm trương, trung bình - Pr từ NIBP: 40 - 240 nhịp/phút - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Độ chính xác: 3 nhịp/phút hoặc 3.5% (tùy giá trị nào lớn hơn) * SPO₂ - Khoảng báo động đo 0~100% - Độ phân giải: 1% - Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> $\pm 2\%$ (70-100% Người lớn/Trẻ em); $\pm 3\%$ (70-100% Trẻ sơ sinh) - Đo nhịp xung: 25 - 300 nhịp/phút - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Độ chính xác: ± 2 nhịp/phút - Làm mới: 1 giây 			

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>* Nhiệt độ (2 kênh, 1 đầu dò mặc định)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng báo động đo 0 - 50°C (32 - 122°F) - Độ phân giải: 0.1°C - Độ chính xác: ±0.1°C (không có đầu dò) - Kênh: 2 kênh, cho phép hiển thị T1; T2; ΔT - Nhiệt độ nhanh: khoảng đo: 25°C~45°C (chế độ giám sát)/ 35.5°C~42°C (chế độ chẩn đoán) - Độ phân giải: 0.1°C - Độ chính xác (không có đầu dò) ±0.1°C (25°C ~ 45°C) (chế độ giám sát) - Loại đầu dò: đầu dò ở miệng/nách, đầu dò trực tràng - Loại chẩn đoán: ít hơn 30 giây <p>* IBP (2 kênh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo áp lực: ART, PA, CVP, RAP, LAP, ICP, P1, P2 - Khoảng đo: ART: 0 đến 300mmHg/ PA: -6 đến +120mmHg/ CVP/RAP/LAP/ICP: -10 đến +40mmHg/ P1/P2: -50 đến +300 mmHg - Độ phân giải: 1 mmHg - Độ chính xác: ±2% hoặc ±1 mmHg tùy giá trị nào lớn hơn (không có đầu dò). - Độ nhạy: 5μ V/V / mmHg - Khoảng trở kháng: 300-3000 Ω <p>* CO2 (dòng chính Mainstream/ dòng phụ Sidestream)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng: 0~150mmHg - Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> ±2% 0~40mmHg ±5% 41~70mmHg ±8% 71~100mmHg ±10% 101~150mmHg ±12% của giá trị đọc, giá trị đo RESP vượt quá 80 vòng/phút (dòng phụ) - Độ chính xác AWP: ±1 vòng/phút. Thiết kế thuận tiện cho các ứng dụng đặt nội khí quản và không đặt nội khí quản / Có thể làm việc ở tốc độ dòng chảy thấp: 50ml/ phút/ Chỉ tiết kỹ thuật cụ thể tham khảo hướng dẫn sử dụng. <p>* Đầu ghi nhiệt (lên đến 3 kênh in và tùy chọn 1,2,3 kênh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ in: 25mm/s, 50mm/s - Chiều rộng giấy in 50mm <p>* Giao diện I/O</p>			

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Cổng USB, khe thẻ SD, cổng nối tiếp RS 232, đầu ra VGA, đầu gọi y tá và tương tự Analog, khử rung và đầu ra đồng bộ hóa.			
2	Bơm tiêm điện	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%. - Sản xuất năm 2025 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng <p>II. CẤU HÌNH</p> <p>Máy chính : 01 bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp nguồn: 01 bộ - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>II. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (tương đương hoặc tốt hơn)</p> <p>Màn hình: Màn hình LCD xanh $\geq (9.6 \times 2.9 \text{ cm})$</p> <p>Pin: Pin Li-ion polymer $\geq 11.1 \text{ Vdc}$, 2000 mAh</p> <p>Thời gian hoạt động của pin lên tới ≥ 8 giờ khi được sạc đầy và chạy với tốc độ 5 ml/giờ Thời gian sạc: Bơm TẮT: ≤ 10 giờ, Bơm MỞ: ≤ 14 giờ</p> <p>Tuân thủ các tiêu chuẩn: An toàn điện thiết bị y tế : EN/IEC 60601-1, EN/IEC 60601-2-24 , EN/IEC60601-1-8, IEC 60529:2001 EMC (Tương thích điện từ): EN/IEC 60601-1-2/AC2010, EN/IEC 60601-2-24</p> <p>Nguồn: AC 100 ~ 240 V, 50/60 Hz</p>	Cái	6	
3	Buồng đếm tinh trùng	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất năm 2025 trở về sau. - Điều kiện hoạt động: Nhiệt độ phòng - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng <p>II. CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buồng đếm: 01 chiếc - Kẹp: 01 chiếc - Chổi: 01 chiếc - Hộp gỗ: 01 chiếc <p>III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (tương đương hoặc tốt hơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc đếm tinh trùng được thực hiện trực tiếp từ mẫu không pha loãng. 	Cái	1	

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả nhanh: Số lượng tinh trùng được đếm trong bất kỳ dải gồm 10 ô vuông nào của lưới sẽ cho biết nồng độ của chúng tính bằng triệu/ml. Không cần thêm bất kỳ hệ số nào để tính toán. - Độ sâu tối ưu: Độ sâu 10 micron giúp loại bỏ hiện tượng mờ và cho phép tinh trùng di chuyển tự do. Mẫu được quan sát trong cùng một mặt phẳng tiêu cự. - Lưới được tích hợp ngay trong kính đậy. Không cần đặt lưới vào thị kính kính hiển vi và tháo ra khi không cần thiết. - Tiết kiệm: Có thể tái sử dụng - dễ dàng làm sạch bằng dung dịch khử trùng không chứa thuốc tẩy. - Độ chính xác tự kiểm soát: Việc quan sát các viên màu tại bốn điểm tiếp xúc giúp kiểm tra độ chính xác. Kính đậy sẽ không bị nâng lên bởi mẫu được đưa vào. - Có thể sử dụng lặp lại với độ chính xác hoàn toàn mà không cần hiệu chuẩn. 			
4	Máy khí dung các loại	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất năm 2025 trở về sau. - Thiết bị đạt chứng chỉ ISO 13485 - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng <p>II. CẤU HÌNH:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy nén khí + Bầu xông + Ống dẫn khí (PVC, 100cm) + Ống ngậm miệng + 5 miếng lọc dự phòng + Mặt nạ người lớn + Mặt nạ trẻ em <p>III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (tương đương hoặc tốt hơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> Tốc độ xông: $\geq 0,3$ml/phút - Dung tích cốc: ≥ 7ml - Đầu ra khí dung: ≥ 0.4ml - Tốc độ đầu ra khí dung: $\geq 0,4$ ml/phút - Nguồn điện: 220V 	Cái	10	
5	Máy X quang răng (Máy X quang răng cận chóp cầm tay)	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất năm 2025 trở về sau. 	Máy	1	

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ phòng: 10°C đến 35°C + Độ ẩm tương đối: 30% đến 75% - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng II. CẤU HÌNH <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Cảm biến: 01 cái - Máy tính laptop: 01 cái III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (tương đương hoặc tốt hơn) <ul style="list-style-type: none"> * Máy Xquang răng: <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 100-240 V~, 50/60 Hz - Điện áp ống: Tối đa 65 kV - Dòng điện ống: Tối đa 3.0 mA - Thiết bị dạng cầm tay, kết hợp được với thiết bị cảm biến trong miệng để cho ra hình ảnh chẩn đoán răng và xương hàm - Trọng lượng nhẹ giúp ổn định để định vị trí khi chụp, từ đó cho hình ảnh rõ nét, không bị mờ do chuyển động. - Thiết bị có thể thiết lập mặc định góc độ chụp cho mỗi vị trí răng. - Kích thước tiêu điểm: 0.4 mm - Thời gian phơi sáng: 0.05-1.0 s ($\pm 3\%$ hoặc $\pm 10\text{ms}$) - Khoảng cách từ nguồn đến da: 200mm - FOV: <60 mm (dạng tròn), 40x30mm (dạng chữ nhật) * Cảm biến: <ul style="list-style-type: none"> - Loại cảm biến CMOS - Kích thước điểm ảnh: 29,6 - Độ phân giải: 17 lp/mm - Diện tích vùng hoạt động: 24x33 mm * Máy tính laptop: <ul style="list-style-type: none"> Cấu hình tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"> - CPU: Intel Core i7 hoặc i9 hoặc tương đương - Ram: ≥32GB - Ổ cứng: ≥1 TB SSD - Màn hình: ≥ 14 inch 			

STT	Danh mục TBYT	Mô tả thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Card đồ họa: 8GB hoặc tương đương - Hệ điều hành: Windows có bản quyền 			
		Tổng cộng: 05 danh mục			

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 558 /BVĐKHG-VT-TBYT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	I. YÊU CẦU CHUNG - Máy mới 100% - Năm sản xuất: 2025 trở về sau - Đạt các tiêu chuẩn quản lý chất lượng: Iso 13485 - Môi trường hoạt động: ??? - Mã HS??? - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng II. CẤU HÌNH - Máy chính - Phụ kiện... III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ (trương đương hoặc tốt hơn)								

2	Thiết bị B								
n	...								
	TỔNG								

Tổng số tiền bằng chữ:.....

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị tin học nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp của báo giá;
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu

để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị”.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.